
**Bản án số:32/2020/HS-ST
Ngày:24/6/2020.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA V, TỈNH N
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng M - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đặng Hữu V sinh năm 1991 tại xã G, huyện G, tỉnh N, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn V , xã G, huyện G, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 9/12, con ông Đặng Hữu T và bà Phạm Thị O; có vợ là Chu Thị Thu U và 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Không; Tiền sự:

- Ngày 24/7/2015 bị Công an huyện G xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. V chưa chấp hành quyết định.

- Ngày 05/7/2017 bị Đoàn công an Khu công nghiệp Gián Khẩu xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. V chưa chấp hành quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/4/2020, chuyển tạm giam từ ngày 22/4/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Hữu H sinh năm 2000 tại xã G, huyện G, tỉnh N, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn V , xã G, huyện G, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 8/12, con ông Đặng Hữu C và bà Trần Thị T; chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 29/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 42/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 14/01/2019.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 07/02/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh Đinh Như C, sinh năm 1992. Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Tân Ngọc, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đức Thành, xã Xích Thổ, huyện Q, tỉnh N.

2. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn 6, xã G, huyện G, tỉnh N.

3. Bùi Thị L, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 1, xã L n, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung N - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/01/2020, Đặng Hữu H đi từ xã G về nhà mình tại thôn V Thị, xã G, huyện G, khi đi qua đoạn đường thôn X, xã G, huyện G thì thấy anh Đinh Như C, sinh năm 1992, trú tại xóm Tân Ngọc, xã G, huyện G, tỉnh N (*là bạn bè quen biết với H*) bị tai nạn giao thông nằm bất tỉnh ở trên đường. H đã gọi xe taxi và cùng với ông Nguyễn Trung Nho, sinh năm 1968, trú tại xóm Tân Long Mỹ, xã G, huyện G, tỉnh N đưa anh C đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh N để cấp cứu. Khi H cùng ông Nho đưa anh C xuống xe thì người lái xe taxi đưa cho H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus vỏ màu trắng và nói: “Điện thoại của nó này, cầm cho nó”, H cầm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần của mình. Trong khi đợi anh C cấp cứu, thấy điện thoại của anh C có nhiều cuộc gọi đến, H mở điện thoại ra xem thấy không cài mật khẩu khóa màn hình nên đã bật chế độ máy bay để ngắt L lạc điện thoại. Khi người nhà anh C đến bệnh viện, H đi taxi về nhà nghỉ “Phong Thủy 1” ở thôn X, xã G, huyện G và lên phòng 301 để chơi cùng Đặng Hữu V và Bùi Thị L, sinh năm 1995, trú tại xóm 1, xã L, huyện G đang thuê phòng nghỉ tại đây. Gặp V, H lấy chiếc điện thoại của anh C ra và nói: “Tao vừa đưa ông anh bị tai nạn vào viện và cầm hộ điện thoại của ông ấy”. Sau đó, H để điện thoại ở bàn và đi vào phòng tắm. Đến khoảng hơn 17 giờ, V cầm điện thoại mở màn hình lên và tắt chế độ máy bay, thấy có tin nhắn báo tài khoản ngân hàng của anh C đã nhận được tiền chuyển vào tài khoản. Khi H đi ra, V nói: “Chắc nó có tiền thưởng Tết rồi, để tao thử bán hết tiền của nó sang tài khoản của tao, được tao với mày chia nhau”, H đồng ý. Lúc này do chị L đang ngủ trong phòng nên V và H rủ nhau sang phòng 302 bên cạnh. V nói: “Bán thử năm triệu xem sao” rồi mở ứng dụng ví điện tử ViettelPay đăng nhập vào tài khoản 0357833837 của anh C thì thấy ứng dụng không yêu cầu nhập mật khẩu, V thao tác để chuyển tiền nhưng không được vì khi chuyển tiền cần pH có mật khẩu. V hỏi H ngày tháng năm sinh của anh C, H nói C sinh ngày 30/4/1993. V nhập mật khẩu bằng dãy số “300493” nhưng vẫn không được nên V tháo thẻ sim từ điện thoại của anh C ra lắp vào chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 loại bàn phím của V rồi tra

cứu thông tin chủ thuê bao qua tổng đài 1414. Sau khi tổng đài 1414 nhắn thông tin cá nhân của anh C về, V sử dụng dãy số “300492” là ngày tháng năm sinh của anh C để nhập mật khẩu ứng dụng ViettelPay thì thấy đúng mật khẩu. Sau đó, V thao tác nạp số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản số 19030922864011 tại Ngân hàng Techcombank của anh C sang tài khoản ví điện tử ViettelPay số 0357833837 của anh C, rồi tiếp tục chuyển số tiền 5.000.000 đồng này từ tài khoản ViettelPay của anh C sang tài khoản ViettelPay số 0964909357 của V. Sau khi thấy chuyển tiền thành công, V lại tiếp tục thao tác như trên và chuyển thêm 13.000.000 đồng nữa từ tài khoản ViettelPay của anh C sang tài khoản ViettelPay của V. Sau đó, V tiếp tục sử dụng tài khoản ViettelPay của anh C để mua 02 thẻ điện thoại Viettel, mỗi thẻ trị giá 97.000 đồng, V và H chia nhau mỗi người nạp 01 thẻ.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, V cùng H đi đến cửa hàng giao dịch Viettel của chị Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1987, trú tại thôn Tùy Hối, xã G, huyện G để rút tiền. V vào gặp chị Hà và rút số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản ViettelPay của V (còn lại số tiền 8.000.000 đồng V vẫn để lại trong tài khoản), rút xong V đưa H 8.000.000 đồng và nói: “Còn hai triệu để ăn uống và trả tiền nhà nghỉ”, H đồng ý. Trên đường về, H bàn với V cho Bùi Thị L số tiền 1.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.000.000 đồng giữ lại tiêu chung để L mua quần áo cho con, H đồng ý nên sau khi V và H đi về nhà nghỉ Phong Thủy 1, V đưa cho chị L số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, V lắp thẻ sim của anh C vào chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S của V rồi đăng nhập vào tài khoản ViettelPay của anh C, thao tác thay đổi mật khẩu sau đó mua 04 mã thẻ điện thoại Viettel (gồm 02 thẻ trị giá 485.000 đồng, 01 thẻ trị giá 97.000 đồng và 01 thẻ trị giá 9.700 đồng). Đến khoảng 20 giờ 14 phút cùng ngày, V đi đến cây ATM tại khu công nghiệp Gián Khẩu rút số tiền 8.000.000 đồng còn lại từ tài khoản ViettelPay của V. Đến 22 giờ cùng ngày, V tiếp tục sử dụng tài khoản ViettelPay của anh C mua 01 mã thẻ điện thoại trị giá 485.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của anh C, H và V đều đã tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, quá trình điều tra xác định tổng số tiền mà H và V chiếm đoạt của anh Đinh Như C là 19.755.700 đồng (Trong đó: H và V cùng nhau chiếm đoạt số tiền 18.194.000 đồng, bao gồm: 18.000.000 đồng là tiền chuyển từ tài khoản của anh C sang tài khoản ViettelPay của V và 02 mã thẻ điện thoại, mỗi thẻ trị giá 97.000 đồng. Ngoài ra, V còn chiếm đoạt số tiền 1.561.700 đồng là tiền mua mã thẻ điện thoại từ tài khoản ViettelPay của anh C, bao gồm: 03 thẻ trị giá 485.000 đồng, 01 thẻ trị giá 97.000 đồng và 01 thẻ trị giá 9700 đồng).

Ngày 22/01/2020, Đặng Hữu H đến nhà anh Phạm Văn Q, sinh năm 1984, trú tại xã G, huyện G hỏi vay số tiền 4.000.000 đồng và có đặt lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của anh C để làm tin, anh Q đồng ý cho H vay tiền và quản lý chiếc điện thoại trên.

Ngày 06/02/2020, Đặng Hữu H đến Công an huyện G đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Ngày 14/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện G ra Quyết định truy nã số 01 đối với Đặng Hữu V. Ngày 16/4/2020, Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã bắt và bàn giao V cho Công an huyện G.

Quá trình điều tra, anh Phạm Văn Q tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng mà Đặng Hữu H đã đặt làm tin để vay tiền. Đặng Hữu H tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, loại bàn phím, màu trắng đen, đã qua sử dụng. Chị Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 2002, trú tại thôn Đức Thành, xã Xích Thổ, huyện Q, tỉnh N (là bạn gái của H) tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho anh C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định: Chuyển 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, vỏ màu đỏ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, loại bàn phím, màu trắng đen, đều đã qua sử dụng, đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Tại Bản cáo trạng số 28/CT- VKS-GV, ngày 20/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Đặng Hữu V, Đặng Hữu H ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng Điều 173 khoản 1 Bộ luật Hình sự(BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Hữu V, Đặng Hữu H phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự(BLHS), các Điều 357, 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự(BLDS); các Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS)(riêng bị cáo V áp dụng thêm điểm b, i khoản 1 Điều 51; bị cáo H áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS). Xử phạt Đặng Hữu V từ 18 đến 21 tháng tù; Xử phạt Đặng Hữu H từ 15 đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; Buộc bị cáo Đặng Hữu H pH bồi thường cho anh Đinh Như C số tiền là 9.097.000 đồng và hoàn trả cho anh Phạm Văn Q số tiền là 4.000.000 đồng; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo Đặng Hữu H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, loại bàn phím, màu trắng đen, đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; các bị cáo pH nộp án phí theo luật định.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì, được nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1]Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: xuất phát từ việc khoảng 15 giờ ngày 20/01/2020, Đặng Hữu H thấy anh Đinh Như C bị tai nạn giao thông nằm bất tỉnh ở trên đường. H đã gọi xe taxi và cùng với ông Nguyễn Trung Nho đưa anh C đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh N để cấp cứu. H đã được người lái xe taxi giao cho 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus vỏ màu trắng của anh C không cài khóa mật khẩu màn hình. Sau đó H đi taxi về nhà nghỉ “Phong Thủy 1” ở thôn X, xã G, huyện G và lên phòng 301 để chơi cùng Đặng Hữu V và Bùi Thị L đang thuê phòng nghỉ tại đây. Trong quá trình quản lý, giữ hộ chiếc điện thoại nêu trên V và H thấy có tin nhắn báo tài khoản ngân hàng của anh C đã nhận được tiền chuyển vào tài khoản. V đã chủ động rủ H bắt hết tiền của anh C sang tài khoản của V để cùng ăn chia. H đã đồng ý. Sau đó V và H đã cùng nhau tra thông tin cá nhân của anh C, dự đoán dãy số “300492” là ngày tháng năm sinh của anh C để nhập mật khẩu ứng dụng ViettelPay thì thấy đúng mật khẩu. V đã thao tác lấy tiền của anh C bằng cách chuyển tiền từ tài khoản số 19030922864011 tại Ngân hàng Techcombank của anh C sang tài khoản ví điện tử ViettelPay số 0357833837 của anh C, rồi tiếp tục chuyển tiền từ tài khoản ViettelPay của anh C sang tài khoản ViettelPay số 0964909357 của V. Như vậy các bị cáo V và H đã có hành vi cùng nhau lén lút chiếm đoạt số tiền của anh Đinh Như C là 19.755.700 đồng với cách thức đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của bị cáo và trị giá tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[4] Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo V là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H phạm tội và cũng là người thực hiện tích cực nhất nên giữ vai trò đầu. Bị cáo H giữ vai trò thứ hai.

[5] Các bị cáo là người đã thành niên, không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính, mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Hành vi của các bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình trị an của địa phương.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân rất xấu. Bị cáo H có 01 tiền án, lần phạm tội này là tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả theo phần mà bị cáo V đã gây ra và bị hại cũng có văn bản đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Còn bị cáo H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo và sau khi hành vi phạm tội bị phát giác đã chủ động đến cơ quan điều tra đầu thú. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Do các bị cáo đều là người có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, thì mức hình phạt hai bị cáo tương đương nhau là thỏa đáng

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thiệt hại về tài sản của anh Đinh Như C là 19.755.700 đồng. Trong đó H và V cùng nhau chiếm đoạt số tiền 18.194.000 đồng. Ngoài ra, V còn chiếm đoạt số tiền 1.561.700 đồng là tiền mua mã thẻ điện thoại từ tài khoản ViettelPay của anh C, bao gồm: 03 thẻ trị giá 485.000 đồng, 01 thẻ trị giá 97.000 đồng và 01 thẻ trị giá 9700 đồng nên phần Đặng Hữu V chiếm hưởng là 10.658.700 đồng, phần H chiếm hưởng là 9.097.000 đồng. Bị cáo V đã cùng gia đình hoàn trả cho anh C số tiền 10.000.000 đồng, phần còn thiếu và giá trị 01 chiếc sim điện thoại số 0357833837 anh C không yêu cầu V pH bồi thường gì thêm nên phần trách nhiệm dân sự này không xét. Còn số tiền bị cáo Đặng Hữu H chiếm hưởng anh C có yêu cầu bị cáo pH hoàn trả nên cần buộc bị cáo H pH hoàn trả 9.097.000 đồng cho anh C. Đối với thiệt hại của anh Phạm Xuân Q, tại phiên tòa H cũng đồng ý chịu trách nhiệm hoàn trả cho anh Q số tiền là 4.000.000 đồng nên cần buộc Đặng Hữu H pH hoàn trả cho anh Phạm Xuân Q số tiền là 4.000.000 đồng. Đối với việc chị Bùi Thị L là người được H và V cho chị Bùi Thị L số tiền 1.000.000 đồng và 01 thẻ điện thoại trị giá 97.000 đồng từ tài sản trộm cắp của anh C. Quá trình điều tra xác định, chị L không biết số tiền và tài sản trên là do H và V phạm tội mà có đồng thời do V và H đã pH L đới hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho anh Đinh Như C là 19.755.700 đồng nên không buộc chị L pH trả cho anh C số tiền 1.000.000 đồng và 01 thẻ điện thoại trị giá 97.000 đồng nêu trên và chị L cũng không pH chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng do anh Phạm Văn Q giao nộp, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đinh Như C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho anh C, là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 loại bàn phím, đã qua sử dụng của Đặng Hữu V và 01 chiếc sim điện thoại số 0357833837 của anh

Đình Như C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại trên là tài sản của V sử dụng làm công cụ để chiếm đoạt tài sản của anh C. Sau khi sự việc xảy ra, V đã làm rơi mất chiếc điện thoại và chiếc SIM điện thoại nêu trên, không nhớ rơi ở đâu, do đó không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng là tài sản của Đặng Hữu V sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, loại bàn phím, màu trắng đen, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của Đặng Hữu H, không L quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho H, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với hành vi Đặng Hữu H giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của anh Đình Như C khi đưa anh C đi cấp cứu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Sau khi ra viện anh C đã chủ động L hệ với H đòi lại điện thoại, H đồng ý trả lại và hứa đến ngày 04/02/2020 sẽ trả cho anh C. Tuy nhiên do chưa có tiền trả cho anh Phạm Văn Q để lấy lại điện thoại và biết Cơ quan Công an đang điều tra vụ trộm cắp tài sản của anh C nên ngày 06/02/2020 H đã đến Công an huyện G đầu thú, sau đó Cơ quan điều tra Công an đã thu hồi chiếc điện thoại trả lại cho anh C nên Đặng Hữu H không pH chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Chiếm giữ trái phép tài sản” là thỏa đáng.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Đặng Hữu H; Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS đối với Đặng Hữu V. Tuyên bố các bị cáo Đặng Hữu V, Đặng Hữu H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Đặng Hữu V 18(Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/4/2020. Xử phạt Đặng Hữu H 18(Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự : Căn cứ Điều 48 BLHS, các Điều 357, 584, 585, 587, 589 BLDS.

Buộc bị cáo Đặng Hữu H phải có trách nhiệm L đới hoàn trả cho anh Đình Như C số tiền là 9.097.000 đồng. Buộc Đặng Hữu H pH hoàn trả cho anh Phạm Xuân Q số tiền là 4.000.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468BLDS.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Hữu H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300, loại bàn phím, màu trắng đen, đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Hữu V pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Đặng Hữu H pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 654.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người pH thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- Công an huyện G
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU Q